

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2024/HS-PT
Ngày: 08-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Long

Ông Trần Hữu Vinh

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Phương Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 114/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Bùi Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Bùi Ngọc T**, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1991 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi N và bà Võ Thị L; có vợ là Trần Thị Đ (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: bà Nguyễn Thị Kiều D, luật sư của Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: số 31 đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Ngoài ra còn có bị cáo Mai U không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai U là thợ xây đang làm việc tại công trình xây dựng nhà số 34 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng do ông Nguyễn Văn N làm chủ thầu. Công trình đang tạm dừng thi công và không có ai trông coi nên U nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong công trình.

Lần 01: ngày 26/6/2023, U điện thoại nói Bùi Ngọc T điều khiển xe ô tô biển số 92C-195.48 đến công trình trên để vận chuyển một số tài sản. Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 27/6/2023, khi T đến công trình thì U mở hàng rào thép để U và T khiêng 01 máy trộn bê tông, 02 xe rùa, 04 bộ giàn giáo, 01 cuộn sắt phi 6 nặng 20kg, 01 cuộn thép nặng 10kg, 01 cây sắt phi 12 dài 3,7m, 02 cây sắt phi 10 dài 3,7m lên xe. T điều khiển xe ô tô còn U điều khiển xe mô tô đi theo về đến thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam thì hai người vào quán ăn bún. T hỏi U chở tài sản trên đi đâu thì U nói chở đi bán phế liệu, T nói bán phế liệu rẻ nên để T kiểm mỗi bán cao hơn. U đồng ý và nói T tự chở đi bán, chỉ cần đưa lại cho U 1.800.000 đồng. Sau đó, T chở số tài sản trên bán cho bà Trương Thị L được 3.650.000 đồng. T chuyển khoản cho U 1.800.000 đồng và hưởng lợi số tiền 1.850.000 đồng.

Lần 02: trưa ngày 28/6/2023, U tiếp tục điện thoại nói T sáng sớm ngày 29/6/2023 đến địa điểm cũ tại công trình số 34 đường T, thành phố Đà Nẵng chở xi măng về bán. U nói xi măng nặng nên cần người khiêng thì T đồng ý và gọi Nguyễn Minh T1 đi bốc vác xi măng. Khoảng 03 giờ 00 ngày 29/6/2023, T điều khiển xe ô tô đi đón T1 tại cây xăng Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. T đón U ở xã Đại Phong, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Đến khoảng 04 giờ 00 cùng ngày thì đến công trình số 34 đường T, thành phố Đà Nẵng. U, T và T2 khiêng 45 bao xi măng nhãn hiệu Long Sơn lên xe ô tô. Lúc này T đã nghi ngờ và biết U không phải là chủ sở hữu của số xi măng này nhưng vẫn đồng ý chở xi măng về bán vì háo hức lợi đối với số tiền được chia. T chở U về nhà, U nói T đi bán xi măng được bao nhiêu tiền thì báo lại cho U biết. T bán 45 bao xi măng trên cho ông Nguyễn Xuân L được 2.700.000 đồng, thanh toán tiền công bốc vác xi măng cho Tuấn 200.000 đồng, tiền xăng xe 500.000 đồng rồi chuyển khoản 1.000.000 đồng cho U và hưởng lợi số tiền 1.000.000 đồng.

Lúc 10 giờ 00 phút ngày 29/6/2023, ông Nguyễn Văn N phát hiện bị mất tài sản nên trình báo Công an phường phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Mai U, Bùi Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Mai U 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bùi Ngọc T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/4/2024, bị cáo Bùi Ngọc T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc T đúng trình tự thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ.

Về nội dung: xét kháng cáo của bị cáo thì thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Bùi Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức án 06 (sáu) tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò thứ yếu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường, khắc phục hậu quả; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã ly hôn, trực tiếp nuôi cha mẹ và con nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng, bị bệnh suy thận. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định áp dụng hình phạt tù là nghiêm khắc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Thị Kiều D bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, bị cáo đã ly hôn, đang trực tiếp nuôi con nhỏ, bản thân phải điều trị bệnh hiểm nghèo, đã bồi thường cho bị hại, khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, phương tiện kiếm sống của bị cáo là chiếc xe ô tô đã bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình và rất ăn năn hối hận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để tiếp tục được làm việc, chăm sóc gia đình và tiếp tục chữa bệnh.

Bị cáo Bùi Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo ăn năn, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội được làm việc, nuôi con và chữa trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 27/6/2023 và ngày 29/6/2023, tại công trình xây dựng số 34 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, bị cáo Mai U đã có hành vi trộm cắp của ông Nguyễn Văn N gồm: 01 máy trộn bê tông, 02 xe rửa, 04 bộ giàn giáo, 01 cuộn sắt nặng 20kg, 01 cuộn thép nặng 10kg, 03 cây sắt và 45 bao xi măng nhãn hiệu Long Sơn, có tổng giá trị là 10.056.000 đồng.

[2] Ngày 27/6/2023, Bùi Ngọc T được Mai U thuê để vận chuyển những tài sản do U trộm được đi tiêu thụ nhưng T không biết đó là tài sản do U trộm cắp mà có. Đến ngày 29/6/2023, mặc dù bị cáo T đã biết U không phải là chủ sở hữu của 45 bao xi măng tại công trình nhưng vẫn đồng ý cùng với bị cáo U trộm cắp 45 bao xi măng nhãn hiệu Long Sơn của ông N, có giá trị 3.330.000 đồng và chia nhau số tiền bán được.

[3] Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử phạt Bùi Ngọc T và Mai U về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 06 tháng tù là đúng pháp luật nhưng chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” do tài sản bị cáo tham gia chiếm đoạt chỉ có 3.330.000 đồng là thiếu sót. Xét thấy: bị cáo nhất thời phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và nghề nghiệp ổn định; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình hồ sơ bệnh án thể hiện bị cáo bị bệnh suy thận mạn độ 3, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn vợ và đang nuôi con nhỏ sinh năm 2022. Do đó, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cho cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng thỏa đáng. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Về án phí: bị cáo không chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc T, sửa Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bùi Ngọc T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 08/7/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng HS-NV, Công an TP. Đà Nẵng;
- TAND Q. Hải Châu;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CQĐT Công an Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- Vụ GDKT (Vụ I), TANDTC;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn